

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **81/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/5/2022

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Dương Sơn

2/ Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Số 153, tổ 03, ấp B, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Phan Hoàng L, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Số 123, tổ 03, ấp B, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan Hoàng L quen biết nhau từ năm 2000 và đến năm 2001 tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng những năm sau này thì không còn hạnh phúc do cuộc sống bắt đầu có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân gia đình. Nguyên nhân là do ông L nhậu về thường mắng chửi và bạo lực gia đình vô cớ đối với bà. Bà đã nhiều lần khuyên ông L bỏ rượu để lo làm ăn nhưng ông L vẫn không thay đổi tính tình. Đến nay bà thấy không thể tiếp tục sống chung với ông L được nữa, xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Thị Ch, sinh ngày 18/3/2002 và Phan Nhân Q, sinh ngày 24/02/2007. Bà đồng ý giao con tên Q cho ông L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của con và bà T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Ch hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của ông Phan Hoàng L trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận lời trình bày của bà T về hôn nhân là đúng sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông đi nhậu về thường mắng chửi và bạo lực gia đình vô cớ đối với bà T. Nay bà T cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Thị Ch, sinh ngày 18/3/2002 và Phan Nhân Q, sinh ngày 24/02/2007. Ông L đồng ý nuôi dưỡng con tên Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của con và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Ch, hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án xem xét

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Phan Hoàng L có nơi cư trú tại: Tổ 03, ấp B, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Cẩm T và ông Phan Hoàng L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng bà T ông L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông L là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà T có yêu cầu ly hôn với ông L nhưng do quan hệ hôn nhân giữa bà T ông L không có giá trị pháp lý nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình để xem xét không công nhận quan hệ giữa bà T và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T ông L có với nhau 02 người con chung tên Phan Thị Ch, sinh ngày 18/3/2002 và Phan Nhân Q, sinh ngày 24/02/2007. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà T đồng ý giao

con tên Q cho ông L nuôi dưỡng và ông L cũng đồng ý nuôi dưỡng con tên Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đây cũng là nguyện vọng của cháu Q được ở với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T ông L và giao con tên Phan Nhân Q cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với con tên Ch hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông L bà T đều không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

[5] Về án phí: Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ, bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Cẩm T và ông Phan Hoàng L là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Thị Ch, sinh ngày 18/3/2001 và Phan Nhân Q, sinh ngày 24/02/2007. Giao cho ông Phan Hoàng L tiếp tục nuôi dưỡng con tên Phan Nhân Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với con tên Ch hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông L bà T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng, được khấu trừ vào án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000214 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Bà T, ông L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Mai